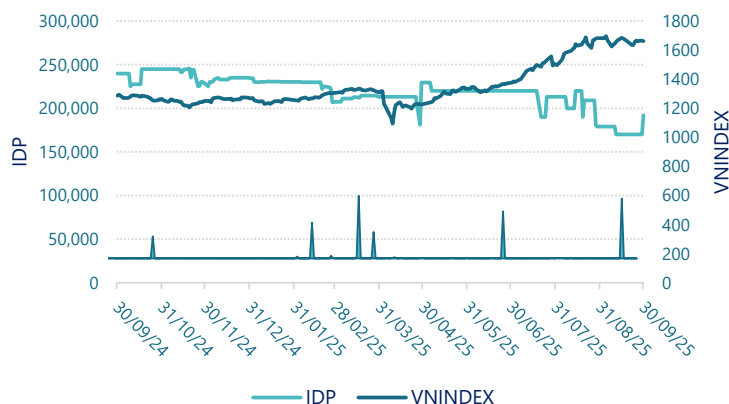


CTCP Sữa Quốc Tế Lof (UPCOM: IDP)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	192,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	245,707
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	170,000
SL cổ phiếu LH	61,804,472
KLGD BQ 20 phiên (CP)	225
% sở hữu nước ngoài	13.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	11,866
P/E	6795.4
EPS	28

DT thuần

Q3/25

1,618

tỷ VNĐ

QoQ: ▼495 | -23.4%

YoY: ▼430 | -21.0%

LN sau thuế

Q3/25

-134

tỷ VNĐ

QoQ: ▼97.9 | -270%

YoY: ▼434 | -145%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

-10.1%

+/- YoY: ▼ 29.1%

DT thuần

9T 2025

5,562

tỷ VNĐ

YoY: ▼1.00 | 0.0%

LN sau thuế

9T 2025

-62.7

tỷ VNĐ

YoY: ▼874 | -108%

ROE

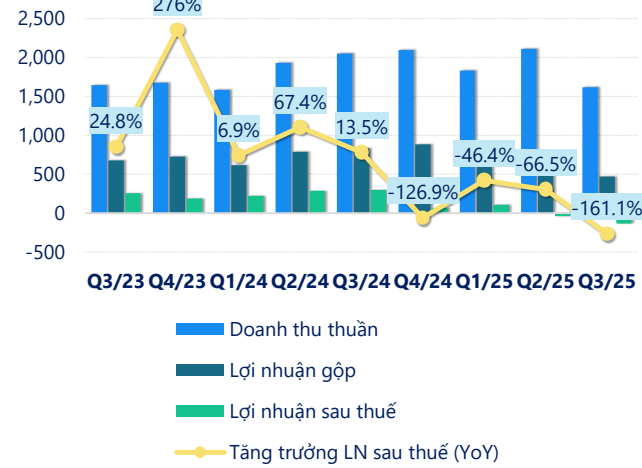
Q3/25

0.1%

+/- YoY: ▼ 32.1%

tỷ VNĐ

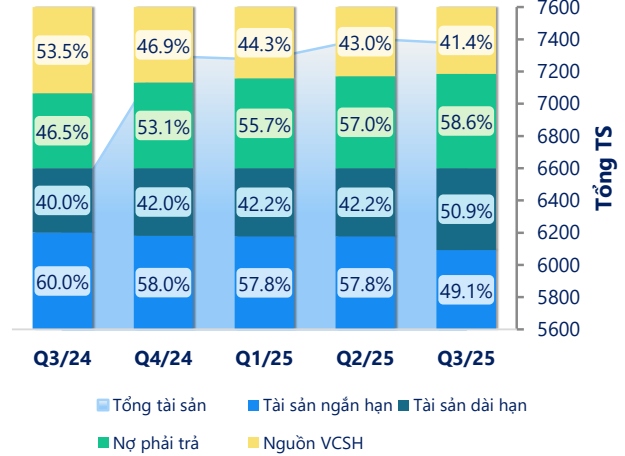
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

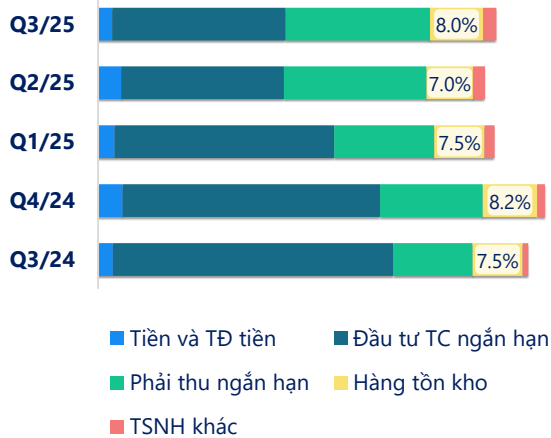
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



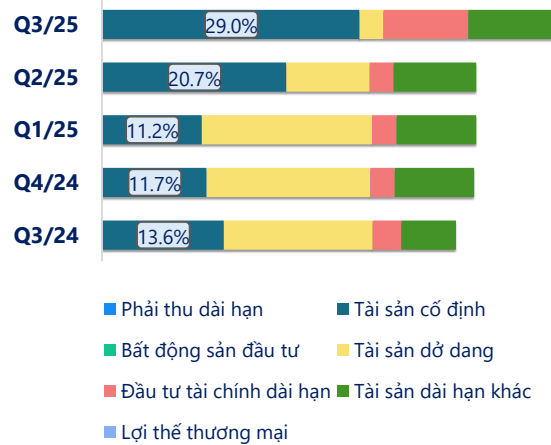
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

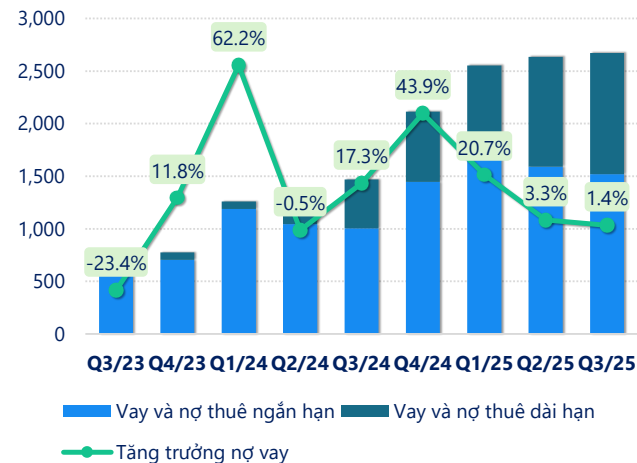
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

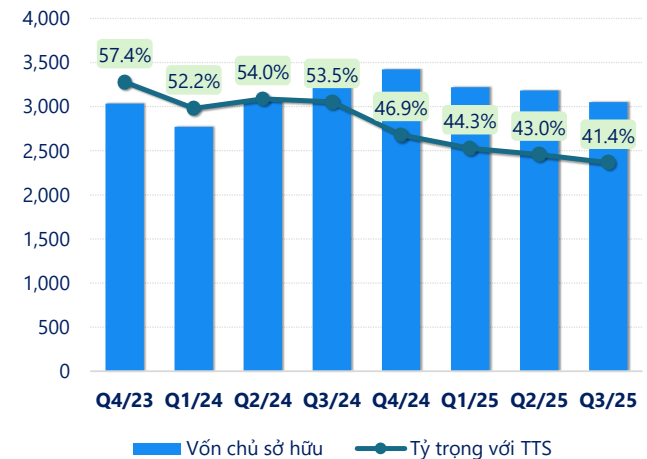
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

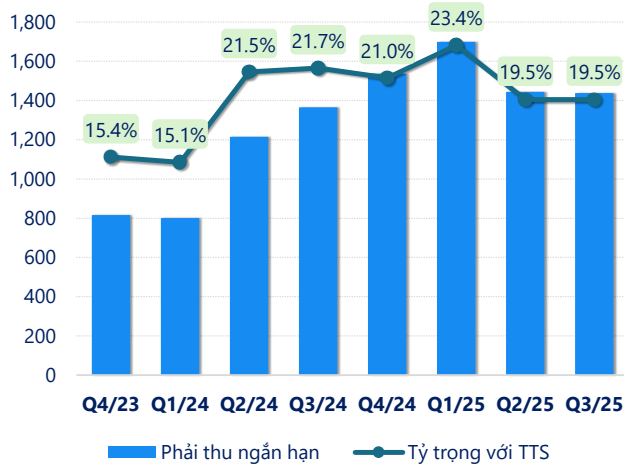
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



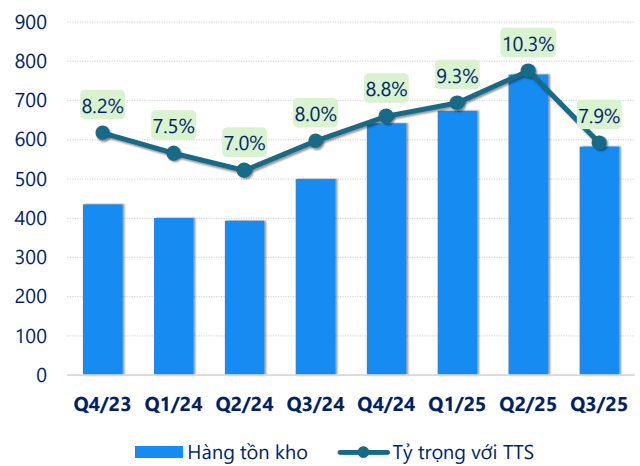
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


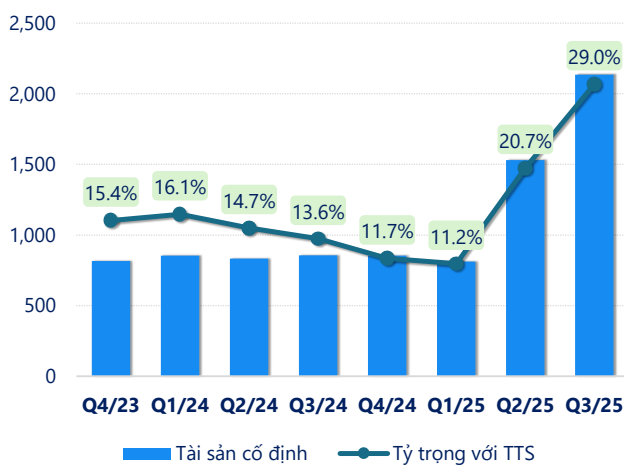
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


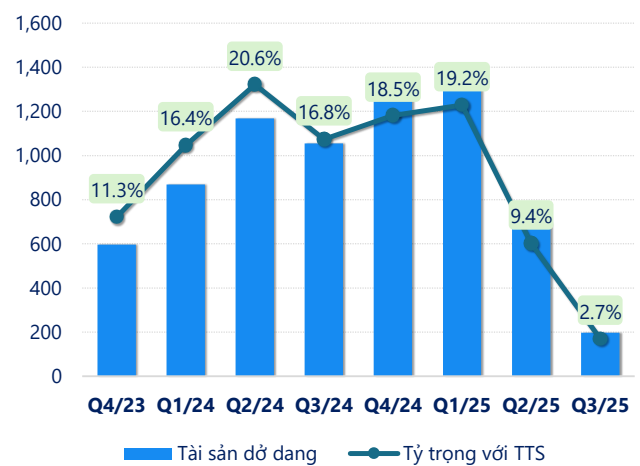
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

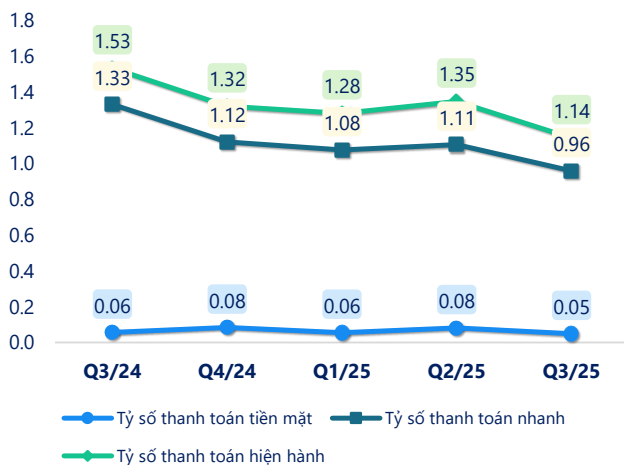
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

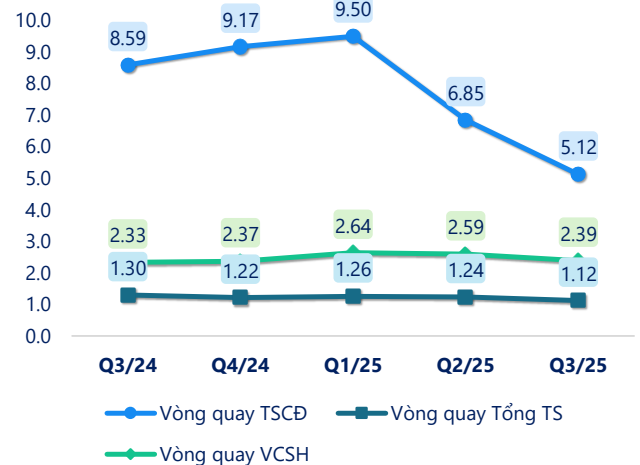
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	6,282	7,297	7,273	7,405	7,371
Tài sản ngắn hạn	3,772	4,233	4,201	4,277	3,621
Tiền và tương đương tiền	138	269	182	258	155
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,641	1,582	1,409	1,567	1,322
Phải thu ngắn hạn	1,366	1,536	1,699	1,444	1,438
Hàng tồn kho	500	642	673	766	582
Tài sản ngắn hạn khác	128	205	238	242	123
Tài sản dài hạn	2,510	3,063	3,072	3,127	3,750
Phải thu dài hạn	6.91	8.97	8.36	9.18	9.20
Tài sản cố định	857	853	812	1,530	2,134
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1,054	1,347	1,396	697	197
Đầu tư tài chính dài hạn	203	200	200	200	706
Tài sản dài hạn khác	389	655	656	691	704
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	2,923	3,874	4,053	4,220	4,320
Nợ ngắn hạn	2,460	3,206	3,278	3,174	3,168
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,005	1,446	1,776	1,590	1,520
Phải trả người bán ngắn hạn	814	1,288	1,070	940	973
Nợ dài hạn	463	668	775	1,046	1,152
Vay và nợ thuê dài hạn	463	668	775	1,046	1,152
Nguồn vốn chủ sở hữu	3,359	3,423	3,220	3,184	3,051
Vốn chủ sở hữu	3,359	3,423	3,220	3,184	3,051
Vốn điều lệ	618	618	618	618	618
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)